

Bản án số: 95/2023/HS-PT
Ngày: 15-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Cù Thị Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 84/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- **Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị (không triệu tập đến phiên tòa):**

Nguyễn Văn T, sinh ngày 10/10/1988, tại xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Y 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thế H (đã chết) và bà Trịnh Thị N; có vợ là Trịnh Thị N1 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: ngày 09/11/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Y ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 06/2022/QĐ-TA; nhân thân: ngày 19/8/2022 bị Ủy ban nhân dân xã Đ ra Quyết định cai nghiện tự nguyện tại gia đình, cộng đồng số 52/QĐ-UBND; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/11/2022, hiện nay đang chấp hành hình phạt tù.

- **Bị hại không kháng cáo (không triệu tập đến phiên tòa):**

Bà Lê Thị X, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn B, xã H, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo (có liên quan đến việc kháng cáo):**

Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn H, xã Đ1, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:*

Công ty HD S (viết tắt: HD S); địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 9, 10 Tòa nhà G, số 24C Phan Đăng L, Phường 6, quận B, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu N2 - Chức vụ: Tổng giám đốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình Đ - Chức vụ: Phó Tổng giám đốc (Giấy ủy quyền số 161205/UQ-TGD ngày 05/12/2016); vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Đào Văn L - Chức danh: Chuyên viên pháp lý tố tụng (Giấy ủy quyền số 230417-CCO ngày 17/4/2023); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06h30' ngày 16/11/2022, Đỗ Văn T1, sinh năm 1980, trú tại thôn H, xã Đ1, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa gọi điện cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1988, trú tại thôn Y 3, xã Đ, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa xuống nhà T chơi. Trong lúc ngồi uống nước, T bàn bạc với T1 đi tìm tài sản để trộm cắp bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng (T và T1 đều là người nghiện ma túy) thì T1 đồng ý. T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 36B8-305.xx chở T sang địa bàn thôn B, xã H, huyện V, trên đường đi T và T1 nhặt được một móc quần áo và dây kim loại sau đó chế thành thông lọng với mục đích sử dụng để đi trộm chó. Khi T và T1 đi đến nhà bà Lê Thị X, sinh năm 1968 trú tại thôn B, xã H thì T phát hiện thấy nhà bà X có 02 (hai) con chó, một con màu đen xích ở cổng, một con màu vàng xích ở chuồng chăn nuôi. T nói với T1 "ở đây có chó, dừng xe lại đi". T1 dừng xe lại, T xuống xe nhỏ một cọc gỗ bên đường, lúc này T1 nói với T "Vô lấy con chó vàng thôi, đủ khoảng hơn một triệu rồi" (ý T1 thống nhất với T chỉ bắt một con chó màu vàng là đủ tiền để mua ma túy sử dụng), sau đó cả hai cùng vào trộm chó. Khi đi đến chỗ con chó màu vàng, T1 cầm xích lôi thì con chó chạy vào chuồng trâu và sủa. T1 giữ xích, T dùng cọc gỗ đập vào đầu con chó màu vàng làm con chó bất tỉnh. Lúc này, do lo sợ bị người dân phát hiện nên T nói với T1 "Anh ra ngoài xem có người không thì xách chó ra". T1 đi ra bên ngoài thì ở bên trong T nảy sinh ý định trộm nốt con chó còn lại nên T tiếp tục đi đến vị trí con chó màu đen, túm lấy xích để kéo đi nhưng khi nghe thấy có tiếng người ngoài đường nên T1 và T bỏ chạy ra đoạn đường Quốc lộ 217 thì bị người dân và lực lượng công an xã H bắt giữ người cùng tang vật.

Tang vật thu giữ gồm: 01(một) xe mô tô BKS 36B8-305.xx, nhãn hiệu YAMAHA, loại Exciter, màu đen, số máy G3D4E1109xxx, số khung RLCUG1010MY338xxx; 01(một) đoạn dây kim loại với tổng chiều dài 1,78m được nối bởi hai đoạn dây kim loại. Một đoạn sử dụng dây kim loại có đường kính 1mm gấp đôi dài 1,1m, màu đen - xám (dạng dây thép), một đầu được uốn dạng thông lọng, một đầu nối với đoạn dây kim loại còn lại. Đoạn kim loại còn lại dài

0,74m có đường kính 0,4mm (dạng dây thép móc quần áo) màu trắng xám, một đầu được uốn gấp, đã qua sử dụng; 01(một) thanh gỗ màu xám đen, một đầu bị mục, kích thước 0,96x0,08m (dạng trụ tròn) đã qua sử dụng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 27/2022/KL-HĐĐGTS ngày 18/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện V xác định giá trị thiệt hại của tài sản tại thời điểm bị xâm phạm như sau: 01 (một) con chó có đặc điểm màu vàng, vện đen (giống chó cái), trọng lượng 21kg, trị giá 1.470.000đ (*Một triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng*); 01 (một) con chó có đặc điểm màu đen (giống chó cái), trọng lượng 22kg, trị giá 1.540.000đ (*Một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng*). Tổng giá trị tài sản bị xâm phạm là: 3.010.000đ (*Ba triệu không trăm mười nghìn đồng*).

Đối với Đỗ Văn T1 chỉ bàn bạc và thống nhất với Nguyễn Văn T thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) con chó màu vàng có trọng lượng 21kg trị giá 1.470.000 đồng để bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng, T1 không biết, và cũng không bàn bạc thống nhất với T về việc trộm cắp con chó màu đen đồng thời chưa bị kết án về các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175, 290 của Bộ luật hình sự nên hành vi cùng với T trộm cắp con chó màu vàng trị giá 1.470.000 đồng của T1 không đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Đỗ Văn T1.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Lê Thị X sau khi được nhận lại 02 (hai) con chó, bà không yêu cầu Nguyễn Văn T và Đỗ Văn T1 bồi thường gì thêm.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố: Nguyễn Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.
- Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 16/11/2022).
- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự phạt tiền bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.
- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho Đỗ Văn T1 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đen, BKS 36B8-305.xx, số máy G3D4E1109xxx, số khung RLCUG1010MY338xxx, xe mô tô không gương, có đăng ký xe phô tô (kèm theo), xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý các vật chứng khác, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/3/2023, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HD S có đơn kháng cáo với nội dung:

1. Đề nghị sửa Bản án số 06/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa đối với quyết định liên quan đến xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 36B8-305.xx, số khung RLCUG1010MY338xxx, số máy G3D4E1109xxx.

2. HD S yêu cầu nhận lại xe máy để xử lý tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay của ông T1 tại HD S.

3. Trường hợp HD S không nhận được xe máy, HD S đề nghị giao xe máy cho Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá theo quy định của pháp luật để ưu tiên thanh toán cho HD S số tiền là 32.653.766đ (*Ba mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi sáu đồng*).

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Anh Đỗ Văn T1 chỉ thực hiện hành vi trộm cắp 01 con chó trị giá 1.470.000 đồng nên không cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, anh T1 chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 36 043xxx, cấp ngày 16/7/2021 thì tên chủ xe là Đỗ Văn T1, nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả lại xe cho chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của Công ty HD S, giữ nguyên quyết định về xử lý vật chứng của bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

HD S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm (DSPT) do kháng cáo không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty HD S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án làm theo đúng quy định tại Điều 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty HD S:

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện HD S trình bày:

Ngày 13/7/2021 HD S và ông Đỗ Văn T1 đã ký Hợp đồng tín dụng số 2W021330xxx. Theo hợp đồng, ông T1 đã vay số tiền 33.000.000 đồng để mua xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 36B8-305.xx, số khung

RLCUG1010MY338xxx, số máy G3D4E1109xxx. Theo đó, vào ngày 12 hàng tháng, ông T1 phải thanh toán cho HD S 2.432.126 đồng, liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/01/2023. Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, HD S và ông T1 đã ký hợp đồng thế chấp số 2W021330xxx ngày 13/7/2021 với tài sản thế chấp là xe máy, HD S giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 36 043xxx và cấp cho ông T1 một bản sao y chứng thực để lưu hành. HD S đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản là xe máy của ông T1.

Tính đến ngày ghi trên đơn kháng cáo, HD S đã nhận được 7.262.126 đồng và ông T1 có nghĩa vụ thanh toán cho HD S số tiền là 32.653.766 đồng. Hợp đồng của ông T1 đã nợ quá hạn kể từ ngày 13/11/2021. Tính đến ngày trên văn bản này (đơn kháng cáo) khoản vay đã quá hạn 486 ngày và chuyển nhóm nợ xấu vào ngày 26/4/2022.

Bản án số 06/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa đã tuyên về xử lý vật chứng là trả lại xe mô tô cho Đỗ Văn T1.

Theo Điều 14 Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của Tổ chức tín dụng quy định về hoàn trả tài sản bảo đảm là vật chứng trong vụ án hình sự: *“Sau khi hoàn tất thủ tục xác định chứng cứ và xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án, cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm hoàn trả vật chứng trong vụ án hình sự là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu”*.

Theo Điều 5.6.1 Hợp đồng thế chấp số 2W021330xxx quy định các trường hợp bên nhận thế chấp xử lý tài sản thế chấp, tại mục (i): *“Khi bên thế chấp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đủ các nghĩa vụ được bảo đảm theo quy định tại Mục 5.3 của hợp đồng thế chấp”* và mục (iii): *“Bên thế chấp bị tuyên bố hạn chế, mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, bị chết hoặc bị tuyên bố chết, bị mất tích hoặc bị tuyên bố mất tích, bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng tới tài sản thế chấp”*.

Căn cứ các quy định nêu trên, HD S đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa tuyên trả lại chiếc xe mô tô đứng tên Đỗ Văn T1 cho HD S (theo như nội dung kháng cáo).

Xét thấy: Việc anh Đỗ Văn T1 và HD S ký Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản với HD S như đại diện HD S trình bày như trên là đúng. HD S căn cứ vào Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 đề nghị Tòa án xử lý khoản nợ xấu giao tài sản bảo đảm cho HD S là không có cơ sở. Bởi vì, tại Điều 4 của Nghị quyết số 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 quy định về nợ xấu: *“Nợ xấu quy định tại Nghị quyết này bao gồm: a) Khoản nợ được hình thành và xác định là nợ xấu trước ngày 15/8/2017; b) Khoản nợ được hình thành trước ngày 15/8/2017 và được xác định là nợ xấu trong thời gian Nghị quyết có hiệu lực”*. Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp giữa hai bên ký ngày 13/7/2021, tức là hình thành sau

ngày 15/8/2017, không thuộc trường hợp xử lý nợ xấu tại Nghị quyết nêu trên. Mặt khác, trong vụ án này, anh Đỗ Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không bị khởi tố, ly hôn hoặc liên quan đến các vụ kiện làm ảnh hưởng tới tài sản thế chấp, nên không có căn cứ xử lý tài sản thế chấp theo quy định tại Điều 5.6.1 Hợp đồng thế chấp số 2W021330xxx. Còn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đen, BKS 36B8-305.xx tuy là vật chứng trong vụ án nhưng không thuộc trường hợp bị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước, mà thuộc trường hợp được trả lại cho chủ sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Anh Đỗ Văn T1 là chủ sở hữu của xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đen, BKS 36B8-305.xx theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 36 043xxx, cấp ngày 16/7/2021 nên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa tuyên trả lại xe mô tô cho anh T1 là phù hợp với quy định của pháp luật. Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của HD S, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Nếu HD S có yêu cầu giải quyết khoản tiền anh T1 còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản thì giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí phúc thẩm: HD S phải chịu án phí DSPT do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm e khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty HD S. Giữ nguyên quyết định về xử lý vật chứng tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2023/HS-ST ngày 24/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho Đỗ Văn T1 01(một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại Exciter, màu sơn đen, BKS 36B8-305.xx, số máy G3D4E1109xxx, số khung RLCUG1010MY338xxx, xe mô tô không gương, có đăng ký xe phô tô (kèm theo), xe cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/02/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện V và Chi cục thi hành án dân sự huyện V).

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Công ty HD S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí DSPT, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí toà án số AA/2021/0004856 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, Công ty HD S đã nộp đủ án phí DSPT.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện V;
- TAND huyện V;
- CQ CSĐT Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- Người kháng cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- Tổ HC-TP;
- Lưu HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Nam Tiến